

Số: 42/2025/QĐST-LĐ

*Dĩ An, ngày 14 tháng 3 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Trần Thị Hồng.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 31/2025/TLST-VLD ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 19/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1994; thường trú: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số 105 đường Nguyễn Thị Khấp, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH P; địa chỉ: đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao L, sinh năm 1985; địa chỉ: đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu trung tâm hành chính Dĩ An, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; thường trú: Số 141/1A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

## **NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Từ tháng 08/2012 đến tháng 07/2018 bà có làm việc tại Công ty TNHH N với vị trí là công nhân, làm việc theo chế độ 3 ca, bà có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7912322544. Từ tháng 04/2019 đến tháng 05/2020 bà làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H. Sau khi nghỉ việc, bà có liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 04/2016. Bà không cho ai mượn hồ sơ cá nhân nên không biết ai đã sử dụng thông tin cá nhân của bà để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P. Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 04/2016 bà vẫn đang làm việc tại Công ty TNHH N

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH P vô hiệu.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định. Ngoài ra, bà xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác trong việc này.

*- Ông Nguyễn Cao L là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thanh T có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 5/2014 đến tháng 4/2016 và được Công ty tham gia BHXH, tuy nhiên do thời gian đã lâu, Công ty không còn lưu trữ hồ sơ lao động của bà Nguyễn Thị Thanh T nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty đều phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ, có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định và đã chốt sổ BHXH khi bà T nghỉ việc.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Công ty TNHH P vô hiệu thì Công ty đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

*- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH P cho người lao động thì Công ty TNHH P có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994, số CCCD 089194022001, với mã số BHXH 7414124014 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 5/2014 đến

tháng 4/2016 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, qua tra cứu dữ liệu, BHXH thành phố Dĩ An còn phát hiện bà Nguyễn Thị Thanh T còn có mã số 7912322544 từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2018 tại Công ty TNHH N. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà T thì Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thanh T, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 5/2014 đến tháng 4/2016, người lao động tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994, căn cước công dân số 089194022001, được Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414124014. Tuy nhiên, bà T khẳng định người tham gia quan hệ lao động với Công ty TNHH P và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian từ tháng 05/2014 đến tháng 4/2016 không phải bà Nguyễn Thị Thanh T do có người sử dụng chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Thực tế, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2012 đến tháng 07/2018 bà T có làm việc tại Công ty TNHH N và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7912322544.

[2.2] Xét thấy, việc người khác lấy tên và sử dụng chứng minh nhân dân bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Bộ

luật Lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà T với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Thanh T bị trùng từ tháng 05/2014 đến tháng 4/2016. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH P với bà Nguyễn Thị Thanh T vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 2 Điều 35 và các Điều 39, 149, 361, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH P vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007821 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Thị Hồng**